

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2019

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Cự

2. Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2019/TLST – HNGĐ ngày 17/6/2019 về tranh chấp: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, năm sinh 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Lở, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh T, năm sinh 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Lở, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị T trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh T đăng ký kết hôn ngày 10/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

lành T mãi chơi, cờ bạc, vay nợ không quan tâm đến vợ con nên trong cuộc sống hàng ngày không có hạnh phúc. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu T, sinh ngày 14/8/2012. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng là người nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chồng cấp dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung anh T đồng ý với phần trình bày của chị T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh không quan tâm vợ con, chơi cờ bạc nên ảnh hưởng kinh tế gia đình. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên đề nghị được đoàn tụ, nếu phải ly hôn anh xin nuôi con chung và không yêu cầu vợ cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T; về con chung: Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, về tài sản chung: Không phải giải quyết; về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh T có nơi cư trú tại xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu nhau, anh T chơi cờ thiếu quan tâm đến vợ con, gia đình hai bên khuyên răn nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến đầu năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sinh lý với nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng: Nguyên vọng của chị T là xin nuôi cháu T . Xét thấy cháu T là con gái, còn nhỏ tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của người mẹ để cháu phát triển tâm sinh lý. Vì vậy, sẽ giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T do chị T không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cháu T, sinh ngày 14/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0004503 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- UBND xã Đặng xá;
- Lưu:Hồ sơ vụ án;
- Lưu:Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Quang